

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIÊN VƯƠNG SOLAR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIÊN VƯƠNG SOLAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN VUONG SOLAR INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THIEN VUONG SOLAR JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 3702896671

3. Ngày thành lập: 27/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 77, đường 73, khu phố 2, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: thienvuongsolar@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất điện	3511(Chính)
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở)	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở)	0113
4.	Trồng cây lấy sợi (không hoạt động tại trụ sở)	0116
5.	Trồng cây có hạt chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0117
6.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng các loại nấm	0118
7.	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0119
8.	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
9.	Trồng cây lấy quả chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0122
10.	Trồng cây điều (không hoạt động tại trụ sở)	0123
11.	Trồng cây hồ tiêu (không hoạt động tại trụ sở)	0124
12.	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở)	0114

13.	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở)	0125
14.	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	0126
15.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0128
16.	Trồng cây lâu năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0129
17.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (không hoạt động tại trụ sở)	0131
18.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0132
19.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không hoạt động tại trụ sở)	0145
20.	Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	0146
21.	Chăn nuôi khác (không hoạt động tại trụ sở)	0149
22.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150
23.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (không hoạt động tại trụ sở)	0161
24.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở)	0162
25.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (không hoạt động tại trụ sở)	0163
26.	Xử lý hạt giống để nhân giống (không hoạt động tại trụ sở)	0164
27.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	0210
28.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
29.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước	7110
31.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
32.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Chụp ảnh cho mục đích tiêu dùng, thương mại, thời trang, quay video	7420
33.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
34.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559

35.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
36.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
37.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm (trừ kinh doanh karaoke).	5920
38.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video	5913
39.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm.	5820
40.	Sao chép bản ghi các loại	1820
41.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Sản xuất chương trình quảng cáo trên truyền hình	5911
42.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản)	4610
43.	Xây dựng nhà không để ở	4102
44.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
45.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
46.	Xây dựng công trình điện	4221
47.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
48.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
49.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
50.	Xây dựng công trình thủy	4291
51.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
52.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
54.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
55.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
56.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
57.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
58.	Đại lý du lịch	7911
59.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
61.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
62.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
63.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột	4632
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

65.	Trồng lúa	0111
66.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
67.	Cho thuê xe có động cơ	7710
68.	Xây dựng nhà để ở	4101
69.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng	4663
70.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép.	4662
71.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
72.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
73.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622

6. Vốn điều lệ: 7.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM VĂN HUYỀN	Thôn 17, Xã Hưng Bình, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	247.500	2.475.000.000	33,000	245242030	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	247.500	2.475.000.000	33,000		

2	NGUYỄN THUY THÚY ÁI	Số 17A, Vĩnh Hội, Phường Ngọc Hiệp, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	247.500	2.475.000.000	33,000	225394039
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	247.500	2.475.000.000	33,000	
3	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	121 Bis Bà Huyện Thanh Quan, Phường 09, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	255.000	2.550.000.000	34,000	038174005421
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	255.000	2.550.000.000	34,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh ngày: 30/12/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038174005421

Ngày cấp: 07/06/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *121 Bis Bà Huyện Thanh Quan, Phường 09, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *121 Bis Bà Huyện Thanh Quan, Phường 09, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương